

Số: 1632 /BGTVT-ĐTCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Kính gửi:

- Các Vụ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kết cấu hạ tầng giao thông, Pháp chế, Môi trường, Khoa học - Công nghệ;
- Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam;
- Các Ban QLDA trực thuộc Bộ;
- Văn phòng Bộ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Bộ GTVT, Vụ Đối tác công - tư đã dự thảo Thông tư quy định về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý (thay thế Thông tư số 50/2018/TT-BGTVT ngày 11/09/2018) (gửi kèm theo).

Đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị nghiên cứu, có ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư. Văn bản góp ý gửi về Bộ GTVT (qua Vụ Đối tác công - tư) trước ngày 01/3/2022 để tổng hợp, báo cáo.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Lâm (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ ĐTCT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTCT.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



*** Nguyễn Viết Huy**

Số: /2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN 1

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đối tác công - tư;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng (sau đây gọi là Cơ quan có thẩm quyền) dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị được ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động của Cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dự án PPP do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cục quản lý chuyên ngành* là Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

2. *Ban quản lý dự án* là Ban quản lý dự án do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập.

Điều 4. Cơ quan có thẩm quyền

Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan có thẩm quyền đối với các dự án PPP thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ GTVT hoặc dự án được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án

Phương án 1 (Cục QLXD&CLCTGT ký hợp đồng nhóm A, quan trọng quốc gia; Cục quản lý chuyên ngành ký các dự án còn lại)

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A: Cơ quan ký kết hợp đồng là Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông (Cục QLXD&CLCTGT).

2. Đối với dự án không thuộc khoản 1 nêu trên: Cơ quan ký kết hợp đồng là Cục quản lý chuyên ngành. Trường hợp dự án liên quan đến từ hai Cục quản lý chuyên ngành trở lên, các Cục quản lý chuyên ngành thống nhất báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao một Cục quản lý chuyên ngành là cơ quan ký kết hợp đồng.

Phương án 2 (ủy quyền toàn bộ cho các Cục quản lý chuyên ngành ký kết hợp đồng)

Cơ quan ký kết hợp đồng là Cục quản lý chuyên ngành. Trường hợp dự án liên quan đến từ hai Cục quản lý chuyên ngành trở lên, các Cục quản lý chuyên ngành thống nhất báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao một Cục quản lý chuyên ngành là cơ quan ký kết hợp đồng.

Phương án 3 (Bộ GTVT ký hợp đồng nhóm A, quan trọng quốc gia; Cục quản lý chuyên ngành ký dự án còn lại. Quy định này tương tự quy định hiện tại tại Quyết định 1007/QĐ-BGTVT năm 2020):

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A: Cơ quan ký kết hợp đồng là Bộ GTVT.

Cục QLXD&CLCTCT tổ chức đàm phán, thương thảo hợp đồng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ký kết hợp đồng dự án.

2. Đối với dự án không thuộc khoản 1 nêu trên: Cơ quan ký kết hợp đồng là Cục quản lý chuyên ngành. Trường hợp dự án liên quan đến từ hai Cục quản lý chuyên ngành trở lên, các Cục quản lý chuyên ngành thống nhất báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao một Cục quản lý chuyên ngành là cơ quan ký kết hợp đồng.

3. Việc ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phạm vi, nội dung ủy quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án.

Chương II

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

Mục 1. Dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

Điều 6. Lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Phương án 1, 3 (trương ứng với Phương án 1, 3 tại Điều 5)

1. Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật đối với các dự án do Cục QLXD&CLCTGT/Bộ GTVT là cơ quan ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, bao gồm:

- a) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát.
- b) Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (gồm cả bổ sung, điều chỉnh nếu có)
- c) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- d) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu hoặc hồ sơ mời thầu;
- e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- f) Đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất;
- g) Thương thảo hợp đồng;
- h) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
- i) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng;
- k) Các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định pháp luật.

2. Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Phương án 2 (trương ứng với Phương án 2 tại Điều 5)

Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật, bao gồm:

1. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát.
2. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (gồm cả bổ sung, điều chỉnh nếu có)
3. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
4. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu hoặc hồ sơ mời thầu;
5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu;
6. Đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất;

7. Thương thảo hợp đồng;
8. Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
9. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng;
10. Các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định pháp luật.

Điều 7. Lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Ban quản lý dự án tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Bộ Giao thông vận tải để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

- Vụ Đối tác công - tư chủ trì tham mưu Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

Phương án 1, 3 (tương ứng với Phương án 1, 3 tại Điều 5)

Ban quản lý dự án tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này; Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này; trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Vụ Đối tác công - tư chủ trì tham mưu Bộ trưởng chấp thuận chủ trương đầu tư theo thẩm quyền.

Phương án 2 (tương ứng với Phương án 2 tại Điều 5)

Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Vụ Đối tác công - tư chủ trì tham mưu Bộ trưởng chấp thuận chủ trương đầu tư theo thẩm quyền.

Điều 8. Công bố thông tin dự án

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (nếu có), các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 5 Thông tư này tham mưu để Bộ GTVT ban hành Quyết định công bố thông tin dự án theo quy định tại Điều 25 Luật PPP.

Điều 9. Lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Phương án 1, 3 (tương ứng với Phương án 1, 3 tại Điều 5)

1. Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, bao gồm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (gồm cả bổ sung, điều chỉnh nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu

cầu hoặc hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất; thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng; các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định pháp luật.

2. Cục quản lý chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Phương án 2 (trương ứng với Phương án 2 tại Điều 5)

Cục quản lý chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và Bên mời thầu theo quy định của pháp luật, bao gồm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán công tác khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (gồm cả bổ sung, điều chỉnh nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu hoặc hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất; thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng; các nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định pháp luật.

Điều 10. Lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án

1. Lập, trình Báo cáo nghiên cứu khả thi

Phương án 1, 3 (trương ứng với Phương án 1, 3 tại Điều 5)

a) Ban quản lý dự án tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

b) Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

c) Nhà đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án được quyết định chủ trương đầu tư tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư này. Nhà đầu tư gửi Báo cáo nghiên cứu khả thi đến Bộ Giao thông vận tải (qua Ban quản lý dự án) đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này và gửi đến Cục quản lý chuyên ngành đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Ban quản lý dự án, Cục quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát trình Bộ GTVT.

Phương án 2 (trương ứng với Phương án 2 tại Điều 5)

a) Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại Điều 5 Thông tư này;

c) Nhà đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án được phê duyệt tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư này. Nhà đầu tư gửi Báo cáo nghiên cứu khả thi đến Cục quản lý chuyên ngành. Cục quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát trình Bộ Giao thông vận tải.

2. Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi

Cục QLXD&CLCTGT chủ trì tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định pháp luật.

Điều 11. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

Phương án 1, 3 (tương ứng với Phương án 1, 3 tại Điều 5)

1. Ban quản lý dự án tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

2. Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

3. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập: Ban quản lý dự án đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, Cục quản lý chuyên ngành đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát trình Bộ Giao thông vận tải.

4. Cục QLXD&CLCTGT chủ trì tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Phương án 2 (tương ứng với Phương án 2 tại Điều 5)

1. Cục quản lý chuyên ngành tổ chức lập, trình Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại Điều 5 Thông tư này;

2. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập: Cục quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát trình Bộ Giao thông vận tải.

3. Cục QLXD&CLCTGT chủ trì tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án tại khoản 1, 2 Điều này.

Mục 2. Dự án do Nhà đầu tư đề xuất

Điều 12. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đối với dự án do Nhà đầu tư đề xuất.

1. Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất dự án đến Ban quản lý dự án đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này; gửi đến Cục quản lý chuyên ngành đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Ban quản lý dự án, Cục quản lý chuyên ngành kiểm tra, rà soát văn bản đề xuất dự án của Nhà đầu tư, đề xuất Bộ Giao thông vận tải xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Nội dung báo cáo phải bao gồm: cách thức phối hợp với các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư và nội dung khác có liên quan trong trường hợp đề xuất Bộ GTVT chấp thuận; nêu rõ lý do trong trường hợp đề xuất Bộ GTVT không chấp thuận;

3. Trường hợp Bộ GTVT chấp thuận văn bản đề xuất của nhà đầu tư, nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án gửi Ban quản lý dự án đối với các dự án tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này; gửi đến Cục quản lý chuyên ngành đối với các dự án tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án được thực hiện theo Điều 7 Thông tư này.

5. Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án được thực hiện theo Điều 10 Thông tư này.

6. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, việc công bố dự án do nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Chương III

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 13. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải/Cục QLXD&CLCTGT là Cơ quan ký kết hợp đồng (Phương án 1, 3)

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải là Người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ban QLDA có nhiệm vụ sau đây:

a) Ban quản lý dự án thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ khác của Bên mời thầu theo quy định pháp luật.

b) Đàm phán, ký kết hợp đồng dự án

- Chuẩn bị dự thảo hợp đồng dự án và nội dung đàm phán hợp đồng, trình cơ quan ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 5 Thông tư này để tổ chức đàm phán với nhà đầu tư;

- Trên cơ sở kết quả đàm phán hợp đồng, tổ chức hoàn thiện hợp đồng dự án, trình cơ quan ký kết hợp đồng để ký kết với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án.

c) Thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 9 Luật PPP.

4. Cục QLXD&CLCTGT chủ trì thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật có liên quan; chủ trì tổ chức đàm phán, hoàn chỉnh hợp đồng để ký kết (trường hợp Cục QLXD&CLCTGT là cơ quan ký kết hợp đồng) hoặc trình Bộ GTVT ký kết (trường hợp Bộ GTVT là cơ quan ký kết hợp đồng) với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

5. Các Vụ: Đối tác công - tư, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kết cấu hạ tầng giao thông, Pháp chế, Hợp tác quốc tế, Môi trường, Khoa học - Công nghệ; các Cục quản lý chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Bộ trưởng Bộ GTVT chịu trách nhiệm phối hợp với Cục QLXD&CLCTGT tham mưu, hoàn chỉnh các nội dung có liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và tham gia đàm phán, hoàn chỉnh hợp đồng dự án.

Điều 14. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đối với dự án do Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan ký kết hợp đồng

Cục quản lý chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan có thẩm quyền và Người có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan.

**CHƯƠNG IV
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN**

Điều 15. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn xây dựng đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan ký kết hợp đồng

1. Nhiệm vụ của Ban QLDA

a) Lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện dự án

- Kiểm tra yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu trong hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu và kiểm tra kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu của dự án (nếu có);

- Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

b) Về công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình

- Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, hợp đồng dự án thực hiện kiểm tra, rà soát đề cương nhiệm vụ, dự toán chi phí các gói thầu tư vấn, trình cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thực hiện công tác thẩm định;

- Kiểm tra, rà soát và trình cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm định, thẩm định điều chỉnh hồ sơ thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 03 bước, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế 02 bước và dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 82 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các quy định pháp luật có liên quan; tiếp nhận, rà soát hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình do Doanh nghiệp dự án phê duyệt, kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý trong trường hợp có sai khác với kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư sau khi phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Ban QLDA tổ chức lựa chọn tư vấn, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán, tổ chức thẩm định và phê duyệt theo phân cấp, phân quyền hoặc trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định trước khi lựa chọn nhà đầu tư.

c) Về công tác giải phóng mặt bằng

- Phối hợp với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án, Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định tại hợp đồng dự án;

- Kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo Bộ Giao thông vận tải để giải quyết kịp thời những nội dung liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

- Theo dõi, đôn đốc Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án, Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng thực hiện trách nhiệm quản lý, thanh toán, quyết toán vốn giải phóng mặt bằng theo quy định;

- Trực tiếp làm việc, đôn đốc địa phương hoàn thành công tác quyết toán giải phóng mặt bằng và kiểm tra, rà soát giá trị quyết toán giải phóng mặt bằng để trình Bộ Giao thông vận tải tổng hợp chung vào giá trị quyết toán dự án đầu tư xây dựng.

d) Về quản lý, giám sát thực hiện hợp đồng dự án

- Kiểm tra, xem xét hồ sơ phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng dự án (nếu có) và giá trị quyết toán chi phí đầu tư công trong dự án, trình Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận hoặc phê duyệt;

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng dự án của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư và bảo hành; phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải trong giai đoạn thực hiện đầu tư (bao gồm cả việc quyết toán chi phí đầu tư công trình hoàn thành) theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án;

- Giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án. Trường hợp Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án có dấu hiệu vi phạm hợp đồng dự án, kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải và đề xuất phương án xử lý;

- Kiểm tra tính pháp lý và quản lý Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; theo dõi thời hạn Bảo đảm thực hiện hợp đồng đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án theo quy định.

e) Về quản lý nguồn vốn của dự án

- Xây dựng kế hoạch vốn hàng năm (vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác) của dự án để báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Theo dõi và báo cáo định kỳ tiến độ huy động vốn, tiến độ giải ngân của dự án theo quy định;

- Nguồn vốn của Nhà nước tham gia thực hiện dự án: Tiếp nhận nguồn vốn của Nhà nước tham gia thực hiện dự án và thực hiện việc cấp phát, thanh toán theo quy định của pháp luật và Hợp đồng dự án; đôn đốc, hướng dẫn Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án hoàn trả chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và chi phí bảo toàn nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư (nếu có) theo quy định tại hợp đồng dự án;

- Nguồn vốn do Nhà đầu tư huy động: Kiểm tra tiến độ thu xếp tài chính thực hiện dự án (vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác) phù hợp với tiến độ quy định trong hợp đồng dự án; khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có dấu hiệu vi phạm hợp đồng, vi phạm quy định pháp luật, Ban Quản lý dự án đề xuất và báo cáo Bộ Giao thông vận tải phương án xử lý theo quy định pháp luật và quy định tại hợp đồng dự án. Kiểm tra, rà soát, có ý kiến về giá trị giải ngân, tiến độ giải ngân, giá trị hoàn thuế giá trị gia tăng của dự án theo quy định tại hợp đồng dự án. Kiểm tra, có ý kiến về lãi suất tiền vay, số lãi vay phải trả, lợi

nhuận nhà đầu tư và một số thông số tài chính khác (nếu có) trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo phù hợp với quy định của hợp đồng dự án và quy định của pháp luật.

f) Về quản lý chất lượng công trình

- Kiểm tra việc thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung đề cương, nhiệm vụ giám sát và quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

- Kiểm tra quá trình thi công xây dựng và chất lượng công trình theo quy định tại hợp đồng dự án và các quy định của pháp luật;

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, các quy định kỹ thuật của hồ sơ thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định hợp đồng dự án;

- Đề nghị doanh nghiệp dự án yêu cầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng thay thế nhân sự trong trường hợp không đáp ứng yêu cầu năng lực theo quy định của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và quy định của pháp luật về xây dựng;

- Đề nghị doanh nghiệp dự án tạm dừng hoặc đình chỉ thi công xây dựng công trình khi phát hiện có sự cố gây mất an toàn công trình, có dấu hiệu vi phạm quy định về an toàn chịu lực, phòng cháy chữa cháy, môi trường ảnh hưởng đến tính mạng, an toàn cộng đồng, an toàn công trình lân cận và yêu cầu nhà thầu tổ chức khắc phục trước khi tiếp tục thi công xây dựng công trình;

- Khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Ban QLDA đề xuất Cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra việc thực hiện kiểm định theo quy định;

- Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn công trình và an toàn giao thông trong quá trình thi công theo quy định tại hợp đồng dự án.

g) Về nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng

- Tham gia nghiệm thu giai đoạn (nếu có), nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và pháp luật về xây dựng;

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu do Doanh nghiệp dự án cung cấp, đánh giá chất lượng công trình xây dựng, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để phục vụ cho công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng đối với công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 123 Luật Xây dựng và Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

h) Công tác lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng

- Hướng dẫn Doanh nghiệp dự án lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng trước khi đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào khai thác, vận hành theo quy định pháp luật về xây dựng và hợp đồng dự án;

- Đề nghị Doanh nghiệp dự án chuyển một bộ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng để lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

- Hướng dẫn Doanh nghiệp dự án lập hồ sơ và nộp vào Lưu trữ lịch sử công trình theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

i) Công tác bảo hành công trình

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình xây dựng của Doanh nghiệp dự án, nhà thầu theo quy định pháp luật, các quy định của Bộ Giao thông vận tải và quy định tại hợp đồng dự án.

k) Về quyết toán vốn đầu tư công trình

- Hướng dẫn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án, vốn đầu tư công trình dự án đảm bảo để trình Bộ Giao thông vận tải trong thời hạn quy định;

- Hướng dẫn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; thực hiện kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ quyết toán dự án từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án; chịu trách nhiệm kiểm tra xem xét hồ sơ quyết toán, kiểm tra quyết toán theo các nội dung quy định về quyết toán dự án hoàn thành; rà soát tình hình thực hiện của chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án về các kết luận của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản kết quả kiểm tra quyết toán để Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận quyết toán dự án hoàn thành theo quy định;

- Đối với các dự án đang quyết toán dở dang, các giá trị còn lại chưa quyết toán (lãi vay trong giai đoạn xây dựng, chi phí bảo tồn vốn trên phần vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, một số chi phí khác,...), ngoài nhiệm vụ tại điểm a, b khoản 10 Điều này, Ban Quản lý dự án rà soát, kiểm tra điều kiện hợp đồng dự án, làm việc với Nhà đầu tư để lập Biên bản ghi nhận khối lượng và giá trị còn lại chưa quyết toán làm cơ sở tạm xác định trong phụ lục điều chỉnh hợp đồng dự án, sau khi các giá trị còn lại được quyết toán, tiếp tục cập nhật và tính toán lại phương án tài chính dự án, điều chỉnh hợp đồng theo quy định.

l) Về báo cáo, giám sát, đánh giá đầu tư

Kiểm tra, hướng dẫn Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án thực hiện giám sát đánh giá dự án theo quy định của pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư và quy định tại Hợp đồng dự án.

m) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công để tổ chức lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

- Trường hợp Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản lý dự án tương tự như dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư;

- Trường hợp cơ quan khác được giao làm chủ đầu tư, thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

o) Chế độ báo cáo

- Định kỳ hàng tháng (trước ngày 22 của tháng báo cáo) hoặc khi Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo, bao gồm tiến độ, khối lượng, giá trị thực hiện; nhận xét đánh giá về chất lượng công trình; sự tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng; danh sách các tổ chức, cá nhân được lựa chọn để quản lý, cung cấp dịch vụ tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị và các tổ chức, cá nhân khác; giá trị huy động vốn vay, vốn chủ sở hữu; giá trị giải ngân, lãi suất; thuận lợi và vướng mắc; các nội dung cần thiết khác;

- Báo cáo đột xuất khi xảy ra sự cố công trình, sự kiện bất khả kháng, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước hoặc khi thấy cần thiết;

- Đôn đốc Doanh nghiệp dự án thực hiện chế độ báo cáo.

p) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng dự án và Bộ Giao thông vận tải.

Điều 16. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn xây dựng đối với đối với dự án do Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan ký kết hợp đồng

Căn cứ các quy định tại Điều 14 của Thông tư này, Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện toàn bộ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

Điều 17. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn kinh doanh, khai thác đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải/Cục QLXD&CLCTGT là Cơ quan ký kết hợp đồng

1. Ban QLDA trình cơ quan ký kết hợp đồng xem xét, quyết định các nội dung

a) Liên quan đến việc chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng dự án đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

b) Liên quan đến điều chỉnh phí (giá), đối tượng thu phí (giá) dịch vụ và các nội dung khác liên quan đến việc thu phí (giá) dịch vụ thuộc thẩm quyền xử lý, quyết định của Bộ Giao thông vận tải hoặc các Bộ, ngành liên quan;

c) Phụ lục hợp đồng dự án đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ còn lại của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn kinh doanh, khai thác và chuyển giao công trình dự án theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

3. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo định kỳ hàng tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo) về số thu và lưu lượng phương tiện; báo cáo 6 tháng đầu năm (trước ngày 10 tháng 7) và báo cáo năm (trước ngày 28 tháng 02 hàng năm tiếp theo) về tình hình giao thông, tình hình thực hiện công tác quản lý, bảo trì, lưu lượng phương tiện, số thu phí (giá) dịch vụ, các khoản thu khác và các thông số tài chính khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án. Báo cáo năm phải được thực hiện kiểm toán trước khi báo cáo. Xây dựng, ban hành các biểu mẫu báo cáo;

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Đơn đốc Doanh nghiệp dự án thực hiện chế độ báo cáo.

5. Các Vụ: Đối tác công - tư, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kết cấu hạ tầng giao thông, Pháp chế, Môi trường, Khoa học - Công nghệ; các Cục quản lý chuyên ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và phân công của Bộ trưởng Bộ GTVT.

Điều 18. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn kinh doanh, khai thác đối với dự án do Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan ký kết hợp đồng

Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện toàn bộ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn kinh doanh, khai thác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

Điều 19. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn chuyển giao, tiếp nhận công trình dự án, thanh lý hợp đồng đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan ký kết hợp đồng

1. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại Điều 61 Luật PPP, Điều 76 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP của doanh nghiệp dự án, cơ quan ký kết hợp đồng cấp xác nhận hoàn thành cho doanh nghiệp dự án. Trường hợp có nghi ngờ về chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ quan ký kết hợp đồng được thuê tư vấn kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật PPP.

2. Chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

a) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BOT, BLT:

- Cục Quản lý chuyên ngành kiểm tra về việc doanh nghiệp dự án đăng báo công khai về việc chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, thủ tục, thời hạn thanh lý hợp đồng, thanh toán các khoản nợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP; tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đề nghị chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp dự án;

- Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BTO, BTL:

- Ban QLDA/Cục quản lý chuyên ngành tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp dự án, kiểm tra

và tham mưu cơ quan ký kết hợp đồng về việc ký biên bản nhận chuyển giao tài sản.

- Cơ quan ký kết hợp đồng lập hồ sơ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Cục quản lý chuyên ngành kiểm tra về việc doanh nghiệp dự án đăng báo công khai việc bàn giao tài sản, thời hạn thanh lý hợp đồng, thanh toán các khoản nợ; tiếp nhận và kiểm tra văn bản đề nghị bàn giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. Chấm dứt hợp đồng dự án theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng

a) Chậm nhất 01 năm trước ngày chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo thời hạn quy định tại hợp đồng, Cục quản lý chuyên ngành phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án rà soát, tham mưu cơ quan ký kết hợp đồng về các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật PPP.

b) Cơ quan ký kết hợp đồng ký báo cáo cơ quan có thẩm quyền các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Luật PPP.

4. Chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn

a) Trường hợp nhận thấy có căn cứ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật PPP hoặc do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng quy định tại điểm d khoản 2 Điều này Điều 52 Luật PPP, cơ quan ký kết hợp đồng, Ban QLDA (trong giai đoạn xây dựng) hoặc Cục Quản lý chuyên ngành (trong giai đoạn kinh doanh, khai thác) báo cáo tới cơ quan có thẩm quyền, trong đó nêu rõ nguyên nhân, điều kiện, phương án xử lý đối với việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

b) Cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

5. Thanh lý hợp đồng dự án

a) Ban QLDA (trong giai đoạn xây dựng) hoặc Cục Quản lý chuyên ngành (trong giai đoạn kinh doanh, khai thác) rà soát các quyền, nghĩa vụ đã thực hiện, báo cáo cơ quan ký kết hợp đồng về các quyền, nghĩa vụ đã hoàn thành và trách nhiệm của các bên đối với phần công việc chưa hoàn thành (nếu có).

b) Cơ quan ký kết hợp đồng xác nhận các quyền, nghĩa vụ trên với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

Điều 20. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn chuyển giao, tiếp nhận công trình dự án, thanh lý hợp đồng đối với dự án do Cục quản lý chuyên ngành là Cơ quan ký kết hợp đồng

Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện toàn bộ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn chuyển giao, tiếp nhận công trình dự án, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 21. Trách nhiệm của Ban quản lý dự án

1. Chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, tính chính xác của số liệu, nội dung hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong công tác lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án; bên mời thầu trong công tác lựa chọn nhà đầu tư;

2. Chịu trách nhiệm công bố thông tin dự án, công khai thông tin theo quy định tại Thông tư này theo phân cấp;

3. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của Cục quản lý chuyên ngành

1. Chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, tính chính xác của số liệu, nội dung hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

2. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

3. Chịu trách nhiệm công khai, minh bạch thông tin liên quan theo nhiệm vụ quản lý ngành; công bố thông tin tại website: ppp.mt.gov.vn theo phân cấp;

4. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra doanh thu hoàn vốn dự án; có biện pháp chống thất thoát doanh thu; kiểm soát các thông số khác liên quan đến phương án tài chính dự án trong quá trình khai thác.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đã ký hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của hợp đồng dự án đã được ký kết;

2. Đối với các dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhưng chưa ký kết hợp đồng dự án, Ban quản lý dự án, Cục quản lý chuyên ngành có trách nhiệm đàm phán, thỏa thuận với Nhà đầu tư để đưa các quy định của Thông tư này vào hợp đồng dự án làm cơ sở triển khai thực hiện;

3. Đối với các hợp đồng đã ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng ký kết Phụ lục hợp đồng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc ký kết

Phụ lục hợp đồng thực hiện theo quy định của Thông tư này mà không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân có văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, quyết định.
3. Các Cục quản lý chuyên ngành, các Ban quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Thông tư này./.